



**Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn
Tây Nguyên**

**Báo cáo tài chính cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thông tin về Công ty

| | | |
|--------------------------------|------------|---------------------------|
| Giấy Chứng nhận | 4003000082 | ngày 21 tháng 3 năm 2006 |
| Đăng ký Doanh nghiệp số | 6000514616 | ngày 24 tháng 10 năm 2018 |

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần đây nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 6000514616 ngày 10 tháng 5 năm 2021. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đắk Lắk cấp.

| | | |
|--------------------------|--|--------------------------------------|
| Hội đồng Quản trị | Ông Melvyn Ng Kuan Ngee Ông Huỳnh Văn Dũng Ông Khúc Ngọc Phú | Chủ tịch Thành viên Thành viên |
|--------------------------|--|--------------------------------------|

| | | |
|----------------------|--|--|
| Ban Kiểm soát | Bà Lê Ngọc Mỹ Trang Bà Đoàn Thị Trà Mi Bà Lê Thị Thiên Thanh | Trưởng ban Thành viên Thành viên |
|----------------------|--|--|

| | | |
|---------------------|----------------------------|----------|
| Ban Giám đốc | Ông Hoàng Trương Vĩnh Tuấn | Giám đốc |
|---------------------|----------------------------|----------|

| | |
|-----------------------|--|
| Trụ sở đăng ký | Số 190, Đường Nguyễn Văn Linh Xã Ea Tu, Thành phố Buôn Ma Thuột Tỉnh Đắk Lắk Việt Nam |
|-----------------------|--|

| | |
|--------------------------|-------------------------------|
| Công ty kiểm toán | Công ty TNHH KPMG Việt Nam |
|--------------------------|-------------------------------|

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính đính kèm của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính được trình bày từ trang 5 đến trang 31 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính đính kèm.



Hoàng Trương Vĩnh Tuấn
Giám đốc

Thành phố Buôn Ma Thuột, ngày 1 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited Branch
10th Floor, Sun Wah Tower
115 Nguyen Hue Street, Ben Nghe Ward
District 1, Ho Chi Minh City, Vietnam
+84 (28) 3821 9266 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Cổ đông Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính đính kèm của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 1 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 31.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Chi nhánh Công ty TNHH KPMG tại Thành phố Hồ Chí Minh Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-01-00449-23-1



Nelson Rodriguez Casihan
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 2225-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Chang Hung Chun
Giấy Chứng nhận Đăng ký Hành nghề
Kiểm toán số 0863-2023-007-1

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 1 tháng 3 năm 2023



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| TÀI SẢN | | | | |
| Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150) | 100 | | 222.237.776.745 | 176.556.476.562 |
| Tiền | 110 | 4 | 12.006.071.087 | 10.719.718.176 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 144.874.051.534 | 109.470.061.306 |
| Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 131 | 5 | 136.935.860.118 | 100.135.772.791 |
| Trả trước cho người bán ngắn hạn | 132 | | 13.000 | 697.043.040 |
| Phải thu ngắn hạn khác | 136 | 6 | 7.938.178.416 | 8.637.245.475 |
| Hàng tồn kho | 140 | 7 | 63.512.919.329 | 55.459.139.137 |
| Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 1.844.734.795 | 907.557.943 |
| Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | | 1.844.734.795 | 907.557.943 |
| Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260) | 200 | | 28.244.967.933 | 30.471.871.488 |
| Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | 304.500.000 | 99.324.000 |
| Phải thu dài hạn khác | 216 | | 304.500.000 | 99.324.000 |
| Tài sản cố định | 220 | | 15.047.611.708 | 17.474.735.885 |
| Tài sản cố định hữu hình | 221 | 8 | 6.457.247.522 | 8.530.654.551 |
| Nguyên giá | 222 | | 38.677.260.357 | 38.593.860.357 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 223 | | (32.220.012.835) | (30.063.205.806) |
| Tài sản cố định vô hình | 227 | 9 | 8.590.364.186 | 8.944.081.334 |
| Nguyên giá | 228 | | 12.592.224.050 | 12.592.224.050 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 229 | | (4.001.859.864) | (3.648.142.716) |
| Bất động sản đầu tư | 230 | 10 | 7.952.148.977 | 7.952.148.977 |
| Nguyên giá | 231 | | 11.103.060.895 | 11.103.060.895 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | 232 | | (3.150.911.918) | (3.150.911.918) |
| Tài sản dở dang dài hạn | 240 | | 70.129.079 | - |
| Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 242 | | 70.129.079 | - |
| Đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 750.000.000 | 750.000.000 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 253 | 11 | 750.000.000 | 750.000.000 |
| Tài sản dài hạn khác | 260 | | 4.120.578.169 | 4.195.662.626 |
| Chi phí trả trước dài hạn | 261 | 12 | 3.940.921.648 | 4.071.174.231 |
| Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | 179.656.521 | 124.488.395 |
| TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200) | 270 | | 250.482.744.678 | 207.028.348.050 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

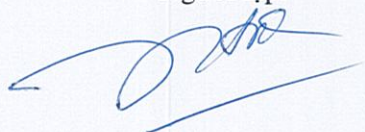
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|---|------------|-------------|------------------------|------------------------|
| NGUỒN VỐN | | | | |
| NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330) | 300 | | 126.371.134.091 | 119.468.551.187 |
| Nợ ngắn hạn | 310 | | 125.372.851.485 | 118.746.109.211 |
| Phải trả người bán ngắn hạn | 311 | 13 | 68.217.353.328 | 68.815.937.521 |
| Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 312 | | 3.664.726.731 | 10.881.211.553 |
| Thuế phải nộp Nhà nước | 313 | 14 | 16.424.413.270 | 6.344.660.472 |
| Phải trả người lao động | 314 | | 10.739.496.356 | 10.267.885.466 |
| Chi phí phải trả ngắn hạn | 315 | 15 | 7.074.385.882 | 3.593.202.321 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 319 | 16 | 8.089.951.307 | 7.162.029.725 |
| Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 322 | 17 | 11.162.524.611 | 11.681.182.153 |
| Nợ dài hạn | 330 | | 998.282.606 | 722.441.976 |
| Phải trả người bán dài hạn | 331 | | 100.000.000 | 100.000.000 |
| Dự phòng phải trả dài hạn | 342 | 18 | 898.282.606 | 622.441.976 |
| VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410) | 400 | | 124.111.610.587 | 87.559.796.863 |
| Vốn chủ sở hữu | 410 | 19 | 124.111.610.587 | 87.559.796.863 |
| Vốn cổ phần | 411 | 20 | 39.761.600.000 | 39.761.600.000 |
| - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | 411a | | 39.761.600.000 | 39.761.600.000 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 418 | 21 | 14.492.974.563 | 14.492.974.563 |
| Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 421 | | 69.857.036.024 | 33.305.222.300 |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước | 421a | | - | - |
| - Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay | 421b | | 69.857.036.024 | 33.305.222.300 |
| TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400) | 440 | | 250.482.744.678 | 207.028.348.050 |

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Xuân Trúc
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Hoài Bảo
Kế toán trưởng



Hoàng Trương Vinh Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

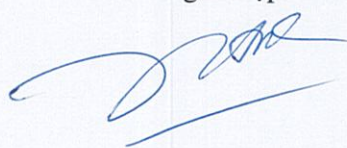
Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2022 VND | 2021 VND |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| Doanh thu bán hàng | 01 | 24 | 3.180.318.242.500 | 2.345.372.822.420 |
| Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | 24 | 1.996.597.330 | 2.833.837.700 |
| Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02) | 10 | 24 | 3.178.321.645.170 | 2.342.538.984.720 |
| Giá vốn hàng bán | 11 | 25 | 3.034.877.913.341 | 2.192.881.173.559 |
| Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11) | 20 | | 143.443.731.829 | 149.657.811.161 |
| Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | 26 | 76.645.091 | 145.583.914 |
| Chi phí bán hàng | 25 | 27 | 191.823.342.099 | 196.852.330.236 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp | 26 | 28 | 17.940.009.969 | 12.202.769.154 |
| Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + 21 - (25 + 26)} | 30 | | (66.242.975.148) | (59.251.704.315) |
| Thu nhập khác | 31 | 29 | 159.562.819.439 | 110.281.734.527 |
| Chi phí khác | 32 | | 97.280.077 | 5.200.492 |
| Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32) | 40 | | 159.465.539.362 | 110.276.534.035 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40) | 50 | | 93.222.564.214 | 51.024.829.720 |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | 51 | 31 | 19.179.428.494 | 10.373.462.203 |
| (Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại | 52 | 31 | (55.168.126) | 168.998.905 |
| Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52) | 60 | | 74.098.303.846 | 40.482.368.612 |

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Xuân Trúc
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Hoài Bảo
Kế toán trưởng



Hoàng Trương Vĩnh Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

| | Mã số | Thuyết minh | 2022 VND | 2021 VND |
|--|-----------|----------------|-----------------------|-----------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | | |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 01 | | 93.222.564.214 | 51.024.829.720 |
| Điều chỉnh cho các khoản | | | | |
| Khấu hao và phân bổ | 02 | | 2.510.524.177 | 2.494.870.707 |
| Các khoản dự phòng | 03 | | 291.200.630 | 88.005.476 |
| Lãi từ hoạt động đầu tư | 05 | | (76.645.091) | (819.690.277) |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 08 | | 95.947.643.930 | 52.788.015.626 |
| Biến động các khoản phải thu | 09 | | (35.609.166.228) | (43.403.561.350) |
| Biến động hàng tồn kho | 10 | | (8.053.780.192) | (9.409.003.885) |
| Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác | 11 | | 3.911.282.186 | 56.958.289.246 |
| Biến động chi phí trả trước | 12 | | (806.924.269) | 5.114.311.030 |
| | | | 55.389.055.427 | 62.048.050.667 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 15 | | (16.246.214.851) | (11.896.827.042) |
| Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 17 | | (1.189.323.880) | (1.206.610.471) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | 37.953.516.696 | 48.944.613.154 |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | | |
| Tiền chi mua tài sản cố định | 21 | | (134.783.709) | (209.200.000) |
| Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định | 22 | | - | 674.106.363 |
| Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức | 27 | | 76.645.091 | 145.583.914 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (58.138.618) | 610.490.277 |

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Mã số | Thuyết minh | 2022 VND | 2021 VND |
|--|-----------|----------------|-------------------------|-------------------------|
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | | |
| Tiền chi trả cổ tức | 36 | | (36.609.025.167) | (43.039.950.713) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | (36.609.025.167) | (43.039.950.713) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40) | 50 | | 1.286.352.911 | 6.515.152.718 |
| Tiền đầu năm | 60 | | 10.719.718.176 | 4.204.565.458 |
| Tiền cuối năm (70 = 50 + 60) | 70 | 4 | 12.006.071.087 | 10.719.718.176 |

Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Xuân Trúc
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Hoài Bảo
Kế toán trưởng



Hoàng Trương Vĩnh Tuấn
Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty là kinh doanh các sản phẩm bia, rượu và nước giải khát; cung cấp dịch vụ nhà hàng và khách sạn; và cung cấp dịch vụ kho bãi và dịch vụ vận chuyển hàng hóa bằng đường bộ.

Công ty có trụ sở tại số 190 đường Nguyễn Văn Linh, xã Ea Tu, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk, Việt Nam. Ngoài ra, Công ty còn có bốn chi nhánh hạch toán phụ thuộc, chi tiết như sau:

| Chi nhánh | Địa chỉ |
|--------------------|---|
| Chi nhánh Gia Lai | Số 721 đường Trường Chinh, phường Chi Lăng, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai, Việt Nam |
| Chi nhánh Đắk Nông | Thôn Tân Thuận, xã Thuận Hạnh, huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông, Việt Nam |
| Chi nhánh Lâm Đồng | Khu vực Đồi Dã Chiến, phường 11, thành phố Đà Lạt, tỉnh Lâm Đồng, Việt Nam |
| Chi nhánh Kon Tum | Đường Quy hoạch A1, Khu Công nghiệp Hòa Bình, đường Phạm Văn Đồng, phường Lê Lợi, thành phố Kon Tum, tỉnh Kon Tum, Việt Nam |

(c) Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 523 nhân viên (1/1/2022: 462 nhân viên).

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính này.

(a) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

(b) Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và được ghi nhận theo giá gốc.

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí mua hàng tồn kho và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không được hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) **Khấu hao**

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

| | |
|--------------------------|------------|
| ▪ nhà cửa, vật kiến trúc | 3 – 15 năm |
| ▪ phương tiện vận chuyển | 3 – 10 năm |
| ▪ thiết bị quản lý | 3 – 7 năm |

(g) **Tài sản cố định vô hình**

(i) **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá trị của quyền sử dụng đất được ghi nhận trong Giấy chứng nhận Đầu tư và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 32 đến 50 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

(ii) **Phần mềm máy vi tính**

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 3 năm.

(h) **Bất động sản đầu tư**

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được phản ánh theo giá gốc trừ đi các khoản giảm giá trị theo giá thị trường. Giá trị ghi sổ của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá sẽ được ghi giảm nếu có bằng chứng cho thấy giá thị trường của bất động sản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của bất động sản này và giá trị khoản tổn thất có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Khoản ghi giảm giá trị của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá được tính vào giá vốn hàng bán.

(i) **Chi phí trả trước dài hạn**

(i) **Bao bì luân chuyển**

Bao bì luân chuyển bao gồm chai, két sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Bao bì luân chuyển được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Công ty nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 2 năm.

(iii) Chi phí thuê

Chi phí thuê bao gồm tiền thuê kho trả trước cho việc sử dụng kho trong quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Chi phí thuê được phân bổ theo thời hạn thuê hơn 2 năm.

(j) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ. Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho công ty từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở số năm nhân viên làm việc cho Công ty và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Cho mục đích xác định số năm làm việc của nhân viên, thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Công ty chi trả trợ cấp thôi việc được loại trừ.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế. Các chi phí đó được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu hàng bán được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

(ii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iii) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động

Các khoản thanh toán tiền thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(p) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là bên liên quan.

(q) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm trước.

4. Tiền

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| Tiền gửi ngân hàng | 12.006.071.087 | 10.719.718.176 |

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - công ty mẹ | 136.873.221.198 | 100.133.528.791 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Bia Sài Gòn - bên liên quan | 62.638.920 | 2.244.000 |
| | <u>136.935.860.118</u> | <u>100.135.772.791</u> |

Khoản phải thu từ công ty mẹ phản ánh khoản phải thu về hỗ trợ chi phí bán hàng. Khoản phải thu này không có đảm bảo, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn khác

| | 31/12/2022 | 1/1/2022 |
|--|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Phải thu từ Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn - công ty mẹ | 7.732.402.616 | 8.154.650.000 |
| Các khoản phải thu ngắn hạn khác | 205.775.800 | 482.595.475 |
| | 7.938.178.416 | 8.637.245.475 |

Khoản phải thu từ công ty mẹ phản ánh khoản phải thu về hỗ trợ chi phí bán hàng chưa được quyết toán. Các khoản phải thu này không có bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi xuất hóa đơn.

7. Hàng tồn kho

| | 31/12/2022 | | 1/1/2022 | |
|-----------------------------|-------------------|-----------------|-----------------|-----------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Hàng mua đang đi trên đường | 4.355.671.733 | - | 4.118.686.000 | - |
| Công cụ và dụng cụ | 6.237.744.908 | - | 7.865.444.167 | - |
| Hàng hóa | 52.919.502.688 | - | 43.475.008.970 | - |
| | 63.512.919.329 | - | 55.459.139.137 | - |

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

8. Tài sản cố định hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc VND | Phương tiện vận chuyên VND | Thiết bị quản lý VND | Tổng VND |
|-------------------------------|----------------------------------|----------------------------------|----------------------------|----------------|
| Nguyên giá | | | | |
| Số dư đầu năm | 28.203.485.242 | 8.343.555.006 | 2.046.820.109 | 38.593.860.357 |
| Tăng trong năm | - | - | 83.400.000 | 83.400.000 |
| Số dư cuối năm | 28.203.485.242 | 8.343.555.006 | 2.130.220.109 | 38.677.260.357 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | | |
| Số dư đầu năm | 22.672.664.198 | 5.543.661.484 | 1.846.880.124 | 30.063.205.806 |
| Khấu hao trong năm | 1.081.570.116 | 939.894.792 | 135.342.121 | 2.156.807.029 |
| Số dư cuối năm | 23.754.234.314 | 6.483.556.276 | 1.982.222.245 | 32.220.012.835 |
| Giá trị còn lại | | | | |
| Số dư đầu năm | 5.530.821.044 | 2.799.893.522 | 199.939.985 | 8.530.654.551 |
| Số dư cuối năm | 4.449.250.928 | 1.859.998.730 | 147.997.864 | 6.457.247.522 |

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 19.423 triệu VND (1/1/2022: 18.040 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất VND | Phần mềm máy vi tính VND | Tổng VND |
|---------------------------------|--------------------------------------|---|---------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số dư đầu năm và số dư cuối năm | 12.411.124.050 | 181.100.000 | 12.592.224.050 |
| Giá trị hao mòn lũy kế | | | |
| Số dư đầu năm | 3.533.709.384 | 114.433.332 | 3.648.142.716 |
| Khấu hao trong năm | 328.717.152 | 24.999.996 | 353.717.148 |
| Số dư cuối năm | 3.862.426.536 | 139.433.328 | 4.001.859.864 |
| Giá trị còn lại | | | |
| Số dư đầu năm | 8.877.414.666 | 66.666.668 | 8.944.081.334 |
| Số dư cuối năm | 8.548.697.514 | 41.666.672 | 8.590.364.186 |

Trong tài sản cố định vô hình tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có các tài sản có nguyên giá 106 triệu VND (1/1/2022: 106 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.

10. Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá

Bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022 phản ánh các quyền sử dụng đất của Công ty tại huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 06/2015/NQ-HĐQT ngày 17 tháng 9 năm 2015 và tại huyện Bảo Lâm, tỉnh Lâm Đồng theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 08/2015/NQ-HĐQT ngày 20 tháng 11 năm 2015.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư nắm giữ chờ tăng giá không được xác định bởi vì Công ty không thực hiện việc xác định giá trị hợp lý.

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

| Tên công ty | Số lượng cổ phiếu | % sở hữu và quyền biểu quyết | 31/12/2022 và 1/1/2022 | | |
|----------------------------------|----------------------|------------------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------|
| | | | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND | Dự phòng VND |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | 30.000 | 0,214% | 750.000.000 | (*) | - |

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho khoản đầu tư này và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

12. Chi phí trả trước dài hạn

| | Bao bì luân chuyển VND | Công cụ và dụng cụ VND | Chi phí khác VND | Tổng VND |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------|----------------------|
| Số dư đầu năm | 2.181.812.631 | 714.732.494 | 1.174.629.106 | 4.071.174.231 |
| Tăng trong năm | 1.745.000.000 | 687.634.546 | 1.193.324.644 | 3.625.959.190 |
| Phân bổ trong năm | (2.587.167.534) | (692.941.638) | (393.973.320) | (3.674.082.492) |
| Thanh lý | (82.129.281) | - | - | (82.129.281) |
| Số dư cuối năm | 1.257.515.816 | 709.425.402 | 1.973.980.430 | 3.940.921.648 |



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

(a) Phải trả người bán chi tiết theo các nhà cung cấp lớn

| | Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ | |
|--|--------------------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn | 66.496.775.356 | 67.264.698.380 |
| Các nhà cung cấp khác | 1.720.577.972 | 1.551.239.141 |
| | <u>68.217.353.328</u> | <u>68.815.937.521</u> |

(b) Phải trả người bán là các bên liên quan

| | Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ | |
|--|--------------------------------------|-----------------------|
| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn | 66.496.775.356 | 67.264.698.380 |
| Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương | 55.153.800 | - |
| | <u>121.650.579.156</u> | <u>67.264.698.380</u> |

Khoản phải trả thương mại cho bên liên quan không có đảm bảo, không chịu lãi và phải trả trong vòng 60 ngày kể từ ngày ghi trên hóa đơn.

14. Thuế phải nộp Nhà nước

| | 1/1/2022 VND | Số phát sinh trong năm VND | Số đã nộp/cần trừ trong năm VND | 31/12/2022 VND |
|-------------------------------|----------------------|----------------------------------|---------------------------------------|-----------------------|
| Thuế giá trị gia tăng | 3.241.214.272 | 558.835.040.146 | (551.731.630.487) | 10.344.623.931 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 2.588.701.996 | 19.179.428.494 | (16.246.214.851) | 5.521.915.639 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 197.013.884 | 1.852.594.099 | (1.942.030.496) | 107.577.487 |
| Các loại thuế khác | 317.730.320 | 1.398.020.319 | (1.265.454.426) | 450.296.213 |
| | <u>6.344.660.472</u> | <u>581.265.083.058</u> | <u>(571.185.330.260)</u> | <u>16.424.413.270</u> |

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Chi phí phải trả ngắn hạn

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|------------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí hỗ trợ và khuyến mãi | 6.987.883.634 | 3.584.160.633 |
| Chi phí trích trước khác | 86.502.248 | 9.041.688 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 7.074.385.882 | 3.593.202.321 |
| | <hr/> | <hr/> |

16. Phải trả ngắn hạn khác

| | 31/12/2022 VND | 1/1/2022 VND |
|------------------------|---------------------------------|-------------------------------|
| Cổ tức phải trả | 247.791.149 | 105.898.840 |
| Nhận ký quỹ ngắn hạn | 5.850.940.700 | 4.767.501.200 |
| Phải trả ngắn hạn khác | 1.991.219.458 | 2.288.629.685 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 8.089.951.307 | 7.162.029.725 |
| | <hr/> | <hr/> |

17. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty. Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong năm như sau:

| | 2022 VND | 2021 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 11.681.182.153 | 5.777.500.000 |
| Trích lập trong năm (Thuyết minh 19) | 4.101.001.514 | 7.110.292.624 |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 19) | (3.445.695.176) | - |
| Sử dụng trong năm | (1.173.963.880) | (1.206.610.471) |
| | <hr/> | <hr/> |
| Số dư cuối năm | 11.162.524.611 | 11.681.182.153 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

18. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng phải trả dài hạn phản ánh dự phòng trợ cấp thôi việc. Biến động của dự phòng trợ cấp thôi việc trong năm như sau:

| | 2022 VND | 2021 VND |
|------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Số dư đầu năm | 622.441.976 | 534.436.500 |
| Dự phòng trích lập trong năm | 291.200.630 | 88.005.476 |
| Sử dụng trong năm | (15.360.000) | - |
| Số dư cuối năm | <u>898.282.606</u> | <u>622.441.976</u> |

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

19. Thay đổi vốn chủ sở hữu

| | Vốn cổ phần VND | Quỹ đầu tư phát triển VND | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND | Tổng VND |
|---|--------------------|---------------------------------|---|------------------|
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 39.761.600.000 | 14.492.974.563 | 42.826.512.954 | 97.081.087.517 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 40.482.368.612 | 40.482.368.612 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17) | - | - | (7.110.292.624) | (7.110.292.624) |
| Trích quỹ công tác xã hội | - | - | (442.000.000) | (442.000.000) |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | (42.451.366.642) | (42.451.366.642) |
| Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 | 39.761.600.000 | 14.492.974.563 | 33.305.222.300 | 87.559.796.863 |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | 74.098.303.846 | 74.098.303.846 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17) | - | - | (4.101.001.514) | (4.101.001.514) |
| Điều chỉnh quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 17) | - | - | 3.445.695.176 | 3.445.695.176 |
| Trích quỹ công tác xã hội | - | - | (140.266.308) | (140.266.308) |
| Cổ tức (Thuyết minh 22) | - | - | (36.750.917.476) | (36.750.917.476) |
| Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 | 39.761.600.000 | 14.492.974.563 | 69.857.036.024 | 124.111.610.587 |



Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

20. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

| | 31/12/2022 và 1/1/2022 | |
|---|------------------------|----------------|
| | Số cổ phiếu | VND |
| Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 3.976.160 | 39.761.600.000 |
| Số cổ phiếu đang lưu hành | | |
| Cổ phiếu phổ thông | 3.976.160 | 39.761.600.000 |

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Không có biến động vốn cổ phần trong các năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

21. Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông. Quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

22. Cổ tức

Tại cuộc họp ngày 26 tháng 3 năm 2022, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã quyết định phân phối khoản cổ tức cho các cổ đông là 36.750 triệu VND (tương đương 9.243 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2021 (2021: 42.451 triệu VND (tương đương 10.676 VND/cổ phiếu) từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm 2020).

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

| | 31/12/2022 | 1/1/2022 |
|--------------------|-------------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng một năm | 8.147.275.168 | 5.948.515.168 |
| Từ hai đến năm năm | 8.465.128.168 | 12.840.884.600 |
| Sau năm năm | 5.692.400.000 | 6.242.000.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 22.304.803.336 | 25.031.399.768 |
| | <hr/> | <hr/> |

(b) Hàng hóa nhận giữ hộ bên thứ ba

| | Đơn vị | Số lượng | 31/12/2022 | | 1/1/2022 | |
|----------|--------|----------|-------------------|------------|-----------------|------------|
| | | | | VND | Số lượng | VND |
| Bia lon | Thùng | 291.641 | 64.082.733.090 | 100.559 | 21.224.421.230 | |
| Bia chai | Két | 87.785 | 10.739.973.710 | 93.875 | 11.352.506.380 | |
| | | | <hr/> | | <hr/> | |
| | | | 74.822.706.800 | | 32.576.927.610 | |
| | | | <hr/> | | <hr/> | |

24. Doanh thu bán hàng

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng đã bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

| | 2022 | 2021 |
|-------------------------------------|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tổng doanh thu | | |
| ▪ Doanh thu bán bia | 3.180.177.581.500 | 2.345.370.782.420 |
| ▪ Doanh thu khác | 140.661.000 | 2.040.000 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 3.180.318.242.500 | 2.345.372.822.420 |
| Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu | | |
| ▪ Chiết khấu thương mại | 1.996.597.330 | 2.833.837.700 |
| | <hr/> | <hr/> |
| | 3.178.321.645.170 | 2.342.538.984.720 |
| | <hr/> | <hr/> |

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Giá vốn hàng bán

| | 2022 VND | 2021 VND |
|-----------------------|---------------------------|---------------------------|
| Tổng giá vốn hàng bán | | |
| ▪ Bia đã bán | 3.034.877.913.341 | 2.192.881.173.559 |

26. Doanh thu hoạt động tài chính

| | 2022 VND | 2021 VND |
|------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 61.645.091 | 115.583.914 |
| Cổ tức được chia | 15.000.000 | 30.000.000 |
| | 76.645.091 | 145.583.914 |

27. Chi phí bán hàng

| | 2022 VND | 2021 VND |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí khuyến mãi | 79.328.481.289 | 99.528.517.596 |
| Chi phí nhân viên | 69.361.217.536 | 64.761.382.458 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 16.203.766.941 | 12.787.651.998 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 1.895.949.020 | 1.578.471.712 |
| Chi phí bán hàng khác | 25.033.927.313 | 18.196.306.472 |
| | 191.823.342.099 | 196.852.330.236 |

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | 2022 VND | 2021 VND |
|-----------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí nhân viên | 11.920.228.047 | 7.331.467.257 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 614.575.157 | 916.398.995 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 812.318.439 | 581.104.899 |
| Chi phí quản lý khác | 4.592.888.326 | 3.373.798.003 |
| | 17.940.009.969 | 12.202.769.154 |

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Thu nhập khác

| | 2022 VND | 2021 VND |
|--|---------------------------|---------------------------|
| Nhận hỗ trợ chi phí bán hàng từ công ty mẹ | 150.133.667.536 | 101.420.968.366 |
| Nhận vật phẩm quảng cáo từ công ty mẹ | 8.936.123.242 | 7.376.159.241 |
| Lãi từ thanh lý bao bì luân chuyển | 407.519.000 | 717.273.000 |
| Lãi từ thanh lý tài sản cố định | - | 674.106.363 |
| Thu nhập khác | 85.509.661 | 93.227.557 |
| | 159.562.819.439 | 110.281.734.527 |

30. Chi phí kinh doanh theo yếu tố

| | 2022 VND | 2021 VND |
|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí mua hàng hóa để bán lại | 3.034.877.913.341 | 2.192.881.173.559 |
| Chi phí nhân công và nhân viên | 81.281.445.583 | 72.092.849.715 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 17.016.085.380 | 13.368.756.897 |
| Chi phí khấu hao và phân bổ | 2.510.524.177 | 2.494.870.707 |
| Chi phí khác | 108.955.296.928 | 121.098.622.071 |

31. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

| | 2022 VND | 2021 VND |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | | |
| Năm hiện hành | 19.159.428.494 | 10.373.462.203 |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 20.000.000 | - |
| | 19.179.428.494 | 10.373.462.203 |
| (Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại | | |
| Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời | (55.168.126) | 168.998.905 |
| | 19.124.260.368 | 10.542.461.108 |

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

| | 2022 VND | 2021 VND |
|--------------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 93.222.564.214 | 51.024.829.720 |
| Thuế tính theo thuế suất của Công ty | 18.644.512.843 | 10.204.965.944 |
| Chi phí không được khấu trừ thuế | 462.747.525 | 343.495.164 |
| Thu nhập không bị tính thuế | (3.000.000) | (6.000.000) |
| Dự phòng thiếu trong những năm trước | 20.000.000 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp | 19.124.260.368 | 10.542.461.108 |

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Luật thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo thuế suất thuế thu nhập thông thường trên lợi nhuận tính thuế. Mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho các doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với các bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính, trong năm Công ty có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

| | Giá trị giao dịch | |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | 2022 VND | 2021 VND |
| Công ty mẹ | | |
| Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước Giải Khát Sài Gòn | | |
| Bán hàng hóa | 1.131.159.290 | 212.397.790 |
| Nhận hỗ trợ chi phí bán hàng | 150.133.667.536 | 101.420.968.366 |
| Nhận vật phẩm quảng cáo | 8.936.123.242 | 7.376.159.241 |
| Cổ tức đã trả | 33.075.752.788 | 38.206.229.975 |
| Trả thù lao Hội đồng Quản trị | 323.000.000 | 282.317.733 |
| Các bên liên quan khác | | |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Thương mại Bia Sài Gòn | | |
| Mua hàng hóa | 3.065.041.903.550 | 2.250.251.734.000 |
| Mua vỏ chai, kết | - | 1.197.760.000 |
| Mua dịch vụ | 222.960.000 | 225.960.000 |
| Phí sử dụng vỏ chai | 539.461.485 | 368.216.516 |

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên
Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

| | Giá trị giao dịch | |
|---|--------------------------|---------------|
| | 2022 | 2021 |
| | VND | VND |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Miền Trung | | |
| Thuê kho và văn phòng | 720.000.000 | 890.324.369 |
| Mua bao bì | 1.500.000.000 | - |
| Mua dịch vụ | 20.548.602 | - |
| Thuê đất | 178.059.168 | - |
| Xuất vật phẩm quảng cáo | 28.366.272 | - |
| Công ty Cổ phần Rượu Bình Tây | | |
| Mua hàng hóa | 105.968.000 | 87.516.292 |
| Cổ tức đã nhận | 15.000.000 | 30.000.000 |
| Công ty Cổ phần Bia Sài Gòn - Lâm Đồng | | |
| Bán hàng hóa | 641.237.830 | 576.120.880 |
| Công ty Cổ phần Nước Giải Khát Chương Dương | | |
| Mua hàng hóa | 139.353.024 | 76.721.400 |
| Chi phí vận chuyển | 7.829.264 | 11.137.500 |
| Công ty TNHH Một Thành Viên Tập đoàn Bia Sài Gòn | | |
| Bán khác | 140.661.000 | 2.040.000 |
| Thành viên Hội đồng Quản trị | | |
| <i>Thù lao</i> | | |
| Ông Melvyn Ng Kuan Ngee – Chủ tịch | 78.000.000 | 78.000.000 |
| Ông Huỳnh Văn Dũng – Thành viên | 65.000.000 | 65.000.000 |
| Ông Khúc Ngọc Phú – Thành viên | - | 20.000.000 |
| Thành viên Ban kiểm soát | | |
| Lương, thưởng và các phúc lợi khác | 530.258.911 | 507.520.000 |
| Ban Giám đốc | | |
| Lương, thưởng và các phúc lợi khác | 1.384.647.811 | 1.101.735.177 |

Công ty Cổ phần Thương mại Bia Sài Gòn Tây Nguyên

Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN


*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

33. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.


Ngày 1 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Xuân Trúc
Kế toán

Người duyệt:



Nguyễn Hoài Bảo
Kế toán trưởng



Hoàng Trương Vĩnh Tuấn
Giám đốc

